

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **284**/STC-TCĐT

Hà Nội, ngày **16** tháng **01** năm 2023

V/v báo cáo tổng hợp tình hình quyết toán dự án hoàn thành sử dụng nguồn vốn đầu tư công trên địa bàn Thành phố năm 2022

Kính gửi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội

Thực hiện quy định tại Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công và Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán, chỉ đạo của UBND Thành phố tại các Văn bản: số 920/UBND-KT ngày 31/3/2022 về việc đẩy mạnh công tác quyết toán dự án hoàn thành, số 3850/UBND-KTTH ngày 17/1/2022 về rà soát, thực hiện quyết toán dự án hoàn thành trên địa bàn Thành phố, Sở Tài chính báo cáo UBND Thành phố tình hình quyết toán hoàn thành dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư công trên địa bàn Thành phố năm 2022 như sau:

1. Số dự án hoàn thành đã được phê duyệt quyết toán là: 1.984 dự án với giá trị chủ đầu tư đề nghị quyết toán là 20.623,9 tỷ đồng, giá trị quyết toán được duyệt là 20.449 tỷ đồng, giảm trừ 174,9 tỷ đồng so với giá trị đề nghị của chủ đầu tư, bao gồm:

1.1 Dự án sử dụng ngân sách do cấp Thành phố quản lý (Trách nhiệm thẩm tra của Sở Tài chính): 90 dự án với giá trị chủ đầu tư đề nghị quyết toán là 6.473,4 tỷ đồng, giá trị quyết toán được duyệt là 6.416,9 tỷ đồng, giảm trừ 56,5 tỷ đồng so với giá trị đề nghị của chủ đầu tư. **(Phụ lục 1.1)**

1.2. Dự án sử dụng ngân sách do cấp huyện quản lý (Trách nhiệm thẩm tra của Phòng Tài chính – Kế hoạch quận huyện thị xã): 1.894 dự án với giá trị chủ đầu tư đề nghị quyết toán là 14.150,5 tỷ đồng, giá trị quyết toán được duyệt là 14.032,1 tỷ đồng, giảm trừ 118,4 tỷ đồng so với giá trị đề nghị của chủ đầu tư. **(Phụ lục 2.1)**

2. Số dự án hoàn thành chưa phê duyệt quyết toán: 1.260 dự án, bao gồm:

2.1. Dự án sử dụng ngân sách cấp Thành phố quản lý (Trách nhiệm thẩm tra của Sở Tài chính): 126 dự án **(Phụ lục 1.2)**, trong đó:

a) Dự án đã nộp hồ sơ quyết toán: 36 dự án (trong hạn thẩm tra).

b) Dự án chưa nộp hồ sơ quyết toán: 91 dự án (gồm 17 dự án trong hạn lập báo cáo, 74 dự án chậm nộp báo cáo quyết toán).



9

2.2. Dự án sử dụng ngân sách do quận huyện quản lý (Trách nhiệm thẩm tra của Phòng Tài chính – Kế hoạch quận huyện thị xã): 1.133 dự án (**Phụ lục 2.2**), trong đó:

a) Dự án đã nộp hồ sơ quyết toán: 449 dự án (gồm 405 dự án trong hạn thẩm tra, 44 dự án chậm nộp hồ sơ quyết toán).

b) Dự án chưa nộp hồ sơ quyết toán: 684 dự án (gồm 595 dự án trong hạn lập báo cáo, 89 dự án chậm nộp báo cáo quyết toán).

Sở Tài chính kính báo cáo UBND Thành phố tình hình quyết toán dự án hoàn thành sử dụng vốn đầu tư công trên địa bàn Thành phố năm 2022 và dự thảo Văn bản UBND Thành phố báo cáo Bộ Tài chính theo quy định tại Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán sử dụng vốn đầu tư và Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ Tài chính quy định về hệ thống biểu mẫu sử dụng trong công tác quyết toán (đính kèm).

Kính trình UBND Thành phố xem xét, ký duyệt./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- PGĐ Nguyễn Xuân Sáng;
- Lưu: VT, TCĐT_{T.Trình}



Nguyễn Xuân Lưu

Phụ lục 1.1

TỔNG HỢP DỰ ÁN HOÀN THÀNH SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ CÔNG CẤP THÀNH PHỐ ĐÃ PHÊ DUYỆT QUYẾT TOÁN

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	Danh mục dự án	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị quyết toán được duyệt	Chênh lệch
A	Tổng cộng	90	8.353,35	6.473,43	6.416,92	56,51
1	Nhóm A	3	3.232,05	2.827,48	2.791,04	36,45
2	Nhóm B	18	3.594,97	2.635,36	2.623,45	11,92
3	Nhóm C	69	1.526,33	1.010,58	1.002,44	8,14
B	Chi tiết theo đơn vị cấp dưới:					
1	Ban quản lý dự án ĐTXD công trình giao thông thành phố Hà Nội	30	2.679,39	2.354,85	2.347,92	6,93
	Nhóm A	1	1.829,96	1.723,67	1.723,67	0,00
	Tiểu dự án đền bù, GPMB xây dựng cầu Nhật Tân và tuyến đường hai đầu cầu	1	1.829,96	1.723,67	1.723,67	0,00
	Nhóm B	3	592,29	434,51	429,33	5,19
	Xây dựng cầu Mỹ Hòa (cầu Bốt Xuyên) vượt sông Đáy qua địa bàn huyện Mỹ Đức, Ứng Hòa (bổ sung chi phí GPMB)	1	0,22	0,22	0,22	0,00
	Cải tạo, nâng cấp trung tâm điều khiển đèn tín hiệu giao thông và các thiết bị ngoại vi	1	231,57	198,84	198,75	0,09
	Xây dựng cầu vượt tại nút giao Nguyễn Chí Thanh và đường Kim Mã	1	360,50	235,46	230,36	5,10
	Nhóm C	27	257,15	196,67	194,92	1,75
	Xây dựng cầu Vân Từ, huyện Phú Xuyên	1	35,17	24,91	24,87	0,04
	ĐTXD cầu 76, huyện Quốc Oai	1	8,24	6,18	6,17	0,01
	Xây dựng cầu vượt cho người đi bộ qua đường Quốc Lộ 21B (xóm), quận Hà Đông	1	2,83	2,52	2,51	0,01
	Xây dựng cầu vượt đi bộ qua đường Phúc La - Văn Phú, Hà Đông	1	4,98	4,51	4,51	0,00
	Xây dựng cầu vượt cho người đi bộ qua đường Cô Linh, quận Long Biên	1	4,82	4,42	4,42	0,00
	Xây dựng HTKT phường Hạ Đình (dự án chuẩn bị đầu tư dừng thực hiện)	1	0,04	0,04	0,04	0,00
	Đầu tư xây dựng cầu Ngọ, huyện Phú Xuyên	1	8,43	8,43	8,43	0,00
	Xây dựng cầu vượt cho người đi bộ qua đường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm	1	5,14	4,57	4,50	0,07
	Xây dựng cầu vượt cho người đi bộ gần nút giao Nguyễn Hữu Thọ - Linh Đường, quận Hoàng Mai	1	3,22	1,71	1,70	0,01
	Cầu Bắc Linh Đàm, quận Hoàng Mai	1	43,58	24,71	23,97	0,75
	dự án cải tạo, nâng cấp, mở rộng, đường đoạn từ Cầu Long Biên-Bác Cồ - Cầu Vĩnh Tuy (dự án dừng thực hiện)	1	1,57	1,57	1,57	0,00
	Xây dựng cầu đi bộ qua đường Xuân La, quận Tây Hồ	1	2,49	2,21	2,20	0,01
	Xây dựng cầu đi bộ qua đường Thanh Nhân, quận Hai Bà Trưng	1	2,31	2,31	2,01	0,30
	Đầu tư xây dựng cầu Thanh Liệt	1	13,89	12,43	12,43	0,00
	Xây dựng cầu vượt cho người đi bộ qua đường Nguyễn Khánh Toàn	1	2,42	1,91	1,89	0,02

STT	Danh mục dự án	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị quyết toán được duyệt	Chênh lệch
	Xây dựng cầu vượt cho người đi bộ qua đường Trần Quốc Hoàn	1	2,29	2,06	2,02	0,04
	Đầu tư xây dựng cầu Đìa Muối	1	11,24	9,49	9,47	0,02
	Xây dựng cầu vượt cho người đi bộ qua đường Võ Chí Công	1	5,93	5,35	5,29	0,06
	Xây dựng cầu vượt cho người đi bộ qua đường Nguyễn Chí Thanh, quận Đống Đa	1	4,62	3,60	3,58	0,02
	CBĐT XD đoạn tuyến từ KĐT Royal city đến đường ven sông Tô Lịch nối sang cầu đường Láng	1	1,01	0,86	0,78	0,08
	Xây dựng cầu Nam Hồng (cầu Máng 7), huyện Phú Xuyên	1	6,92	4,89	4,84	0,05
	Xây dựng cầu Mọc, quận Đống Đa, quận Thanh Xuân, quận Cầu Giấy	1	36,64	27,82	27,63	0,19
	Xây dựng cầu Văn Quán, huyện Thanh Oai	1	14,09	12,70	12,65	0,05
	Xây dựng cầu Sông Lừ, quận Đống Đa	1	13,14	11,57	11,57	0,00
	Xây dựng cầu vượt cho người đi bộ qua đường Võ Nguyễn Giáp tại khu vực cảng hàng không quốc tế Nội Bài, huyện Sóc Sơn	1	17,44	11,67	11,66	0,01
	Xây dựng cầu vượt cho người đi bộ qua đường Nguyễn Trãi (đoạn giao cắt ngã ba đường Triều Khúc, quận Thanh Xuân)	1	3,85	3,64	3,64	0,00
	Đường Quang Trung kéo dài từ ngã ba Ba La đến hết bến xe Yên Nghĩa (dự án chuẩn bị đầu tư dừng thực hiện)	1	0,86	0,59	0,59	0,00
2	Ban Quản lý dự án ĐTXD công trình dân dụng thành phố Hà Nội	13	1.240,51	1.040,63	1.002,51	38,13
	Nhóm A	1	861,98	698,89	662,44	36,45
	Xây dựng bệnh viện đa khoa Đức Giang	1	861,98	698,89	662,44	36,45
	Nhóm B	3	163,42	153,33	152,07	1,26
	Xây dựng trụ sở Đội Cảnh sát PCCC số 11 (gia lâm)	1	47,83	40,89	40,65	0,25
	Cải tạo, nâng cấp trường THPT Đông Anh, huyện Đông anh	1	51,60	50,10	49,72	0,38
	Cải tạo, nâng cấp trường THPT Trương Định, Hoàng Mai	1	64,00	62,33	61,70	0,64
	Nhóm C	9	215,11	188,42	188,00	0,42
	Sân vận động Hà Đông phục vụ Seagame 31 năm 2021	1	36,39	32,72	32,67	0,04
	Xây dựng trụ sở Đội Cảnh sát PCCC số 15 (Ứng Hòa) thuộc công an TP HN	1	32,71	27,35	27,20	0,15
	Xây dựng trụ sở Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm	1	19,24	16,46	16,27	0,19
	Cải tạo, nâng cấp công trình Nhà tập bắn cung phụ vụ Sea game 31 và Para game 11 năm 2021	1	5,65	5,39	5,39	0,00

STT	Danh mục dự án	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị quyết toán được duyệt	Chênh lệch
	Cải tạo, nâng cấp công trình nhà tập kiểem, Judo, đá cầu phục vụ seagame 31 năm 2021 và Paragame 11	1	39,00	36,12	36,12	0,00
	Cải tạo, nâng cấp nhà văn hóa phục vụ seagame 31 năm 2021 và Paragame 11 năm 2021	1	26,63	23,33	23,32	0,01
	Xây dựng trụ sở làm việc Đồn Công an KCN Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ thuộc Công an thành phố Hà Nội	1	9,26	6,26	6,25	0,01
	Xây dựng trụ sở Đội Cảnh sát PCCC số 12 (Thường Tín) thuộc Công an Thành phố	1	39,90	34,70	34,69	0,01
	Xây dựng trụ sở làm việc công an phường Viên Sơn, thị xã Sơn Tây	1	6,33	6,10	6,08	0,01
3	Ban Quản lý dự án ĐTXD công trình hạ tầng kỹ thuật và nông nghiệp thành phố Hà Nội	6	1.023,27	583,53	582,66	0,87
	Nhóm A	1	540,12	404,93	404,93	0,00
	Gói thầu độc lập hoàn thành - Gói thầu số 9: xây dựng cống - Dự án thoát nước Hà Nội, dự án II	1	540,12	404,93	404,93	0,00
	Nhóm B	4	653,88	573,15	572,69	0,47
	Cải tạo, nâng cấp công trình đầu mối và kiên cố hóa hệ thống trạm bơm Hồng Vân, Hà Nội	1	394,27	339,61	339,29	0,32
	Kiên cố kênh tiêu chính thập cửu, trạm bơm Hạ Dục, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội	1	130,15	117,14	117,12	0,02
	Công trình hạng mục độc lập hoàn thành thuộc DA ĐTXD khu LXXL chất thải Sóc Sơn giai đoạn II (gói thầu số 13)	1	40,69	40,69	40,69	0,00
	Cải tạo, nâng cấp hệ thống trạm bơm tiêu Phù Đổng, huyện Gia Lâm	1	88,77	75,71	75,59	0,13
	Nhóm C	2	369,39	10,38	9,97	0,41
	Cấp nước sạch liên xã Hợp Thanh, Hợp Tiến, Mỹ Đức (dự án dừng thực hiện)	1	199,09	4,78	4,57	0,20
	Cấp nước sạch liên xã Viên An, Viên Nội, Cao Thành, Hoa Sơn, huyện Ứng Hòa (dự án dừng thực hiện)	1	170,30	5,61	5,40	0,21
4	Làng trẻ em Birla Hà Nội	1	3,39	3,31	3,30	0,01
	Nhóm C	1	3,39	3,31	3,30	0,01
	Xây mới nhà học nghề và thể chất Làng trẻ em Birla Hà Nội	1	3,39	3,31	3,30	0,01
5	Trường THPT Thanh Oai A	1	2,16	1,94	1,91	0,03
	Nhóm C	1	2,16	1,94	1,91	0,03
	Nhà hiệu bộ 2 tầng - Trường THPT Thanh Oai A, huyện Thanh Oai	1	2,16	1,94	1,91	0,03
6	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	14	344,96	316,40	313,25	3,15
	Nhóm C	14	344,96	316,40	313,25	3,15
	Xử lý cấp bách chống sạt lở bờ hữu sông Đáy đoạn qua thôn Cấp Tiến và xóm 6-8, xã Văn Võ, huyện Chương Mỹ	1	44,00	38,64	38,62	0,01
	Xử lý cấp bách sự cố sạt lở từ bờ hữu sông Đáy khu vực dân cư xóm 8, xóm 9 đến tiếp giáp kè Hòa Chính và bờ tả sông Bùi xã Hòa Chính, huyện Chương Mỹ	1	45,00	37,09	37,05	0,04
	Xử lý cấp bách chống sạt lở bờ sông Đà xã Thái hòa, Ba Vì, thành phố Hà Nội	1	29,29	26,18	26,13	0,04

STT	Danh mục dự án	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị quyết toán được duyệt	Chênh lệch
	Xử lý cấp bách chống sạt lở đê tả sông Cà Lồ tương ứng từ K15+400 đến K15+700 đê Cà Lồ thuộc thôn Đại Tảo, xã Xuân Giang và sạt lở thượng lưu đê bồi sông Cà Lồ thôn Yên Phú, xã Xuân Thu, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội	1	9,11	8,66	8,42	0,24
	Xử lý cấp bách sạt lở mái thượng lưu đê tả Đáy từ K61+380 đến K61+540 xã Đồng Tiến, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	1	1,22	1,15	1,16	0,00
	Nạo vét bồi lắng cục bộ, các lợi hà trên sông Bùi, huyện Chương Mỹ	1	49,63	49,37	49,15	0,21
	Xử lý cấp bách sự cố sạt lở Đê Hữu Bùi đoạn từ Hạnh Côn đi Đìa Phới, đoạn đê Cầu Thôi xã Nam Phương Tiến, Đê Khúc Bằng, đê hữu Bùi đoạn qua thôn Tiên Tiên, xã Tân Tiến, huyện Chương Mỹ.	1	13,77	13,76	13,39	0,38
	Xử lý cấp bách sự cố sạt lở chân đê thượng lưu đê hữu Đáy đoạn từ K5+770 đến K5+990 và đoạn từ K6+020 đến K6+310, xã Sài Sơn, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội	1	3,82	3,63	3,62	0,01
	Xử lý cấp bách sạt lở mái đê tả Cà Lồ từ K1+800 đến K2+050 thôn Xuân Lai, xã Xuân Thu, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội	1	9,43	8,89	8,89	0,00
	XLCB khắc phục sự cố sạt lở kè Nhận Tái, huyện Đông Anh tương ứng K3+600 đến K4+250 đê hữu Cà Lồ	1	14,85	14,84	14,82	0,02
	XLCB chống sạt lở bờ hữu sông Hồng từ K21+500 đến K22+800 thuộc địa bàn xã Chu Minh, huyện Ba Vì	1	45,04	44,06	41,97	2,09
	Xử lý cấp bách chống sạt lở bờ tả sông Đuống tương ứng từ K2+700 đến K3+600 thôn Đông Ngàn, xã Đông Hội, huyện Đông Anh	1	48,84	41,23	41,16	0,07
	XLCB chống sạt lở sông Đáy đoạn qua địa bàn thôn Thanh Giang, huyện Thanh Oai từ K29+600 đến K30+200	1	13,82	12,65	12,64	0,01
	XLCB chống sạt lở sông Đáy đoạn qua địa bàn xã Viên An, huyện Ứng Hòa	1	17,15	16,26	16,25	0,01
7	UBND quận Hoàng Mai	1	23,72	23,72	23,68	0,04
	Nhóm B	1	23,72	23,72	23,68	0,04
	Hạng mục độc lập cầu Đền Lừ và các hạng mục liên quan (gói thầu số 2, gói thầu số 4, gói thầu di chuyển hệ thống cáp ngầm...) thuộc dự án xây dựng 1/2 cầu Đền Lừ và tuyến đường 2,5 phía bắc khu công nghiệp Vĩnh Tuy	1	23,72	23,72	23,68	0,04
8	UBND quận Long Biên	4	1.548,64	928,86	925,83	3,03
	Nhóm B	4	1.548,64	928,86	925,83	3,03
	Xây dựng đường trên tuyến đê Tả Hồng, Hữu Đuống nối từ cầu Chương Dương đến đường 5 kéo dài	1	359,93	241,60	241,30	0,30
	Xây dựng tuyến đường từ Ngọc Thụy đi khu đô thị mới Thạch Bàn (đoạn từ đường Thạch Bàn đi khu đô thị mới Thạch Bàn)	1	618,75	376,67	375,86	0,81
	Cải tạo hệ thống thoát nước trên địa bàn các phường Ngọc Lâm, Gia Lâm, Bồ Đề, quận Long Biên	1	72,61	67,45	67,45	0,00

STT	Danh mục dự án	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị quyết toán được duyệt	Chênh lệch
	Xây dựng tuyến đường từ đường 5 kéo dài đến cầu Đuống, quận Long Biên, Hà Nội	1	497,35	243,13	241,22	1,92
9	UBND huyện Đông Anh	1	2,82	2,82	2,82	0,00
	Nhóm C	1	2,82	2,82	2,82	0,00
	Cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc cơ quan HĐND UBND huyện Đông Anh (dự án dừng thực hiện)	1	2,82	2,82	2,82	0,00
10	UBND huyện Ba Vì	2	37,23	36,28	36,16	0,12
	Nhóm C	2	37,23	36,28	36,16	0,12
	XLCB chống sạt lở bờ Cỏ Đò tương ứng K5+000 đến K5+850 đê hữu Hồng, huyện Ba Vì	1	29,25	28,84	28,75	0,09
	Xử lý cấp bách chống sạt lở bờ hữu sông Đà, xã Khánh Thượng, huyện Ba Vì	1	7,98	7,44	7,41	0,03
11	UBND huyện Chương Mỹ	2	32,82	26,87	26,79	0,09
	Nhóm C	2	32,82	26,87	26,79	0,09
	Xử lý cấp bách kè chống sạt lở bờ tả sông Bùi đoạn Bến Giang, xã Thủy Xuân Tiên, huyện Chương Mỹ	1	10,48	9,72	9,65	0,06
	Xử lý sạt lở đê sông Đáy qua địa bàn xã Lam Điền, huyện Chương Mỹ	1	22,34	17,16	17,13	0,02
12	UBND huyện Mê Linh	2	505,97	432,87	432,70	0,17
	Nhóm B	1	457,46	396,63	396,49	0,14
	Xây dựng bệnh viện đa khoa huyện Mê Linh	1	457,46	396,63	396,49	0,14
	Nhóm C	1	48,51	36,24	36,21	0,03
	Trường tiểu học Tiên Phong A	1	48,51	36,24	36,21	0,03
13	UBND huyện Mỹ Đức	4	79,03	76,49	76,29	0,20
	Nhóm C	4	79,03	76,49	76,29	0,20
	Kè chống sạt lở bờ hữu sông Đáy qua khu dân cư giáp cầu Phùng Xá, huyện Mỹ Đức, TP Hà Nội	1	8,07	7,83	7,80	0,03
	Cải tạo, nâng cấp hệ thống đê Hồ Quan Sơn, Tuy Lai, huyện Mỹ Đức	1	49,88	48,73	48,67	0,06
	Kè chống sạt lở bờ sông Đáy, đoạn từ thôn Phú Yên, xã Phúc Lâm đến thôn Vĩnh Xương, xã Mỹ Thành, huyện Mỹ Đức	1	17,93	16,92	16,81	0,11
	XLCB cống cầu Dậm, xã Hợp Tiến, huyện Mỹ Đức	1	3,16	3,02	3,02	0,00
14	UBND huyện Quốc Oai	1	4,44	4,28	4,19	0,09
	Nhóm C	1	4,44	4,28	4,19	0,09
	XLCB sự cố sạt lở đê bao Đồng Giáp, xã Cán Hữu, huyện Quốc Oai	1	4,44	4,28	4,19	0,09
15	UBND huyện Thanh Trì	2	62,20	50,17	48,78	1,39
	Nhóm C	2	62,20	50,17	48,78	1,39
	XLCB chống sạt lở bờ hữu sông Nhuệ đoạn K20+800 đến K20+925 xã hữu Hòa, Bờ tả sông Nhuệ các đoạn từ K20+500 đến K20+650, đoạn từ K22+200 đến K22+375 xã Tả Thanh Oai, huyện Thanh Trì	1	29,40	28,54	27,18	1,36
	Xây dựng HTKT khu tái định cư xứ đồng Bờ Lờ, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì	1	32,80	21,63	21,59	0,03
16	UBND huyện Thanh Oai	1	76,37	63,50	62,80	0,70
	Nhóm B	1	76,37	63,50	62,80	0,70
	Xây dựng, mở rộng trường THPT Nguyễn Du	1	76,37	63,50	62,80	0,70

STT	Danh mục dự án	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị quyết toán được duyệt	Chênh lệch
17	UBND huyện Ứng Hòa	2	67,12	60,31	59,85	0,46
	Nhóm C	2	67,12	60,31	59,85	0,46
	Kiên cố hóa kênh N1(kênh A trạm bơm Vân Đình) và cứng hóa kênh kết hợp phát triển giao thông nội đồng huyện Ứng Hòa	1	48,79	43,38	42,95	0,44
	Kè chống sạt lở bờ tả sông Đáy, Hồng Quang, Ứng Hòa	1	18,33	16,93	16,90	0,02
18	Công ty đầu tư xây dựng số 2 Hà Nội	1	79,19	61,66	60,57	1,09
	Nhóm B	1	79,19	61,66	60,57	1,09
	Xây dựng tuyến đường 30m và 21,5m tiếp giáp khu đô thị mới Cổ Nhuế	1	79,19	61,66	60,57	1,09

Phụ lục 1.2

TỔNG HỢP DỰ ÁN HOÀN THÀNH SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ CÔNG CẤP THÀNH PHỐ CHƯA PHÊ DUYỆT QUYẾT TOÁN

a) Dự án hoàn thành đang thẩm tra hồ sơ quyết toán

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	Dự án sử dụng ngân sách cấp Thành phố	Nhóm DA	Tổng số	Dự án trong thời hạn thẩm tra, phê duyệt quyết toán			Dự án vi phạm thời hạn thẩm tra, phê duyệt quyết toán		
				Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng đề nghị quyết toán	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng đề nghị quyết toán
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(8)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
A	Tổng số		36	36	8.524,72	6.549,07	0	0	0
	Nhóm A		3	3	4.254,90	2.864,06			
	Nhóm B		18	18	3.515,83	3.051,02			
	Nhóm C		15	15	753,99	633,99			
B	Chi tiết theo đơn vị cấp dưới								
1	BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI		7	7	225,65	150,64			
	Xây dựng tuyến đường nối tỉnh lộ 419 từ xã Hương Sơn, huyện Mỹ Đức đến tiếp giáp xã Tân Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam	B		1	82,18	50,13			
	Xây dựng cầu Hòa Viên, lý trình K41+177 ĐT 419	C		1	52,29	42,61			
	Dự án Đầu tư xây dựng cầu Tây Ninh, huyện Phúc Thọ	C		1	8,24	7,19			
	Xây dựng đường gom phía Nam khu công nghiệp Phú Nghĩa ra quốc lộ 6 (đoạn qua điểm khu công nghiệp Tiên phương và điểm khu công nghiệp Phú Nghĩa cũ)	C		1	32,24	18,32			
	Xây dựng cầu Tiên, huyện Mê Linh	C		1	8,16	6,16			
	Xây dựng Cầu Gồm	C		1	36,32	20,75			
	Xây dựng cầu vượt đi bộ qua đường Trần Khát Chân, quận Hai Bà Trưng	C		1	6,23	5,49			
2	BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH DẪN DỤNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI		17	17	6.887,74	5.161,56			
	Phát triển cơ sở hạ tầng đô thị Bắc Thăng Long - Vân Trì	A		1	3.775,90	2.474,20			
	Xây dựng khu tái định cư Nam Trung Yên (phần xây dựng HTKT) thuộc dự án phát triển cơ sở hạ tầng giao thông đô thị thành phố Hà Nội, giai đoạn 1	A		1	470,96	382,01			
	ĐTXD đường vành đai 1 (đoạn Ô chợ dừa - Hoàng Cầu)	B		1	975,15	915,14			
	Nâng cấp bệnh viện đa khoa Sóc Sơn, huyện Sóc Sơn	B		1	345,87	311,10			
	Dự án sửa chữa, bảo trì khu Trung Hòa Nhân Chính, Trung Yên, Hạ Yên, Mễ Trì Hạ (26 vị trí)	C		1	63,65	62,43			
	Xây dựng trụ sở làm việc công an thị trấn Thường Tín, huyện Thường Tín	C		1	7,68	6,61			
	Xây dựng trụ sở đội Cảnh sát PCCC số 14 (Thạch Thất) thuộc Công an TP Hà Nội	C		1	52,44	43,45			
	Cải tạo, nâng cấp công trình khu nhà luyện tập và thi đấu Bi sắt phụ vụ Seagame 31 năm 2021	C		1	36,00	28,87			
	Dự án Đầu tư nâng cấp bệnh viện phụ sản Hà Nội GD 2	B		1	324,73	249,76			
	Dự án Cải tạo, nâng cấp công trình Bể bơi, bể nhảy cầu phục vụ seagames 31 năm 2021 và Paragames 11	B		1	70,00	56,56			

STT	Dự án sử dụng ngân sách cấp Thành phố	Nhóm DA	Tổng số	Dự án trong thời hạn thẩm tra, phê duyệt quyết toán			Dự án vi phạm thời hạn thẩm tra, phê duyệt quyết toán		
				Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng đề nghị quyết toán	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng đề nghị quyết toán
	Dự án Cải tạo, nâng cấp công trình Cung điền kinh phục vụ seagames 31 năm 2021 và Paragames 12	B		1	61,00	48,55			
	Dự án cải tạo, nâng cấp công trình Sân điền kinh ngoài trời và Hạ tầng kỹ thuật khuôn viên trung tâm huấn luyện và thi đấu TDTT Hà Nội phục vụ Seagame 31 và Paragame 11 năm 2021	B		1	101,59	73,44			
	Dự án nâng cấp, đầu tư Hệ thống khí y tế tại các Bệnh viện trực thuộc Sở Y Tế	C		1	52,81	37,37			
	Dự án cải tạo, nâng cấp trung tâm bảo trợ xã hội IV Hà Nội	C		1	42,60	35,49			
	Xây dựng trụ sở đội Cảnh sát PCCC số 7 (Thanh Trì) thuộc Công an TP Hà Nội	B		1	52,55	46,29			
	Đầu tư mua sắm trang thiết bị PCCC, cứu hộ, cứu nạn cho lực lượng CS PCCC thành phố	B		1	446,77	382,45			
	Xây dựng trụ sở làm việc công an Sài Đồng, thuộc công an thành phố Hà Nội	C		1	8,04	7,85			
3	BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT VÀ NÔNG NGHIỆP THÀNH PHỐ HÀ NỘI		1	1	118,32	103,59			
	Nâng cấp toàn bộ mặt đê sông Nhuệ trên địa bàn huyện Phú Xuyên	B		1	118,32	103,59			
4	SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN		2	2	46,92	45,34			
	Xử lý cấp bách nâng cấp đê tả Bùi (đoạn từ trạm bơm Trung Hoàng đến hết tràn Thanh Bình), huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội.	C		1	29,38	29,34			
	Xử lý cấp bách chống chống sạt lở kè Linh Chiểu tương ứng K32+600 đến K32+850 đê hữu Hồng, xã Sen Phương, Phúc Thọ	C		1	17,54	16,00			
5	UBND HUYỆN BA VÌ		2	2	85,71	81,58			
	Xử lý chống sạt lở bờ hữu sông Hồng khu vực K20+700 đến K20+950 và K21+200 đến K21+500 đê hữu Hồng xã Chu Minh	C		1	35,19	31,49			
	XLCB chống sạt lở bờ hữu sông Vân Hồng từ K24-K24+800 xã Đông Quang	C		1	50,52	50,09			
6	UBND HUYỆN PHÚ XUYÊN		1	1	23,97	22,42			
	XLCB chống sạt lở bờ hữu sông Vân Đình đoạn sau đập Hà Mỹ đến cầu Phù Bật xã Hồng Minh, huyện Phú Xuyên	C		1	23,97	22,42			
7	UBND HUYỆN PHÚC THỌ		1	1	58,15	51,77			
	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm và kiên cố hoá kênh mương Trạch Mỹ Lộc	B		1	58,15	51,77			
8	UBND HUYỆN QUỐC OAI		2	2	100,96	91,45			
	Cải tạo, nâng cấp tuyến đê hữu Đáy, đường tỉnh lộ 421 từ Liên Hiệp Phúc Thọ đi Sài Sơn - Yên Sơn - Thị trấn (tỉnh lộ 419) đi Tân Hòa, thành phố Hà Nội	B		1	69,96	67,34			
	Xây dựng nhà thể chất, thư viện trường THPT Minh Khai	C		1	30,99	24,11			

STT	Dự án sử dụng ngân sách cấp Thành phố	Nhóm DA	Tổng số	Dự án trong thời hạn thẩm tra, phê duyệt quyết toán			Dự án vi phạm thời hạn thẩm tra, phê duyệt quyết toán		
				Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng đề nghị quyết toán	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng đề nghị quyết toán
9	UBND HUYỆN SÓC SƠN		1	1	46,30	42,40			
	Cải tạo, nâng cấp công trình đầu mối hồ Hàm Lợn, xã Nam Sơn	C		1	46,30	42,40			
10	Trung tâm phát triển quỹ đất Hà Nội		1	1	312,22	268,88			
	Xây dựng HTKT khu đất 1,65ha thuộc phường Cổ Nhuế 2 và phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm phục vụ tái định cư cho các hộ dân di dời của dự án	C		1	312,22	268,88			
11	Công ty TNHH thoát nước Hà Nội		1	1	618,78	529,44			
	Xây dựng và cải tạo 03 trạm bơm thoát nước Cổ Nhuế, Đồng Bông, Đồng Bông 2 khu vực phía tây Hà Nội	B		1	618,78	529,44			

STT	Loại dự án	Nhóm DA	Tổng số	Dự án trong thời hạn lập báo cáo quyết toán			Dự án vi phạm thời hạn lập báo cáo quyết toán		
				Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng vốn đã thanh toán	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng vốn đã thanh toán
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(8)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
A	Tổng số		91	17	2.296,392	1.313,554	74	24.422,43	19.617,46
	Nhóm A	A	2	0	-	-	2	10.651,79	8.628,98
	Nhóm B	B	50	10	1.567,881	1.139,446	40	12.602,88	10.121,85
	Nhóm C	C	39	7	728,511	174,108	32	1.167,76	866,64
B	Chi tiết theo đơn vị cấp dưới								
1	BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG TP HÀ NỘI		16	2	31,835	31,835	14	13.301,25	10.693,28
	Dự án xây dựng cầu Vĩnh Tuy và tuyến đường hai đầu cầu (giai đoạn 1)	A					1	3.151,79	2.816,93
	Dự án Phát triển giao thông đô thị HN	A					1	7.500,00	5.812,05
	Đầu tư xây dựng đường 418	B					1	111,34	101,59
	Xây dựng đường Vành đai 1 (ô Đông Mác - Nguyễn Khoái)	B					1	1.220,26	1.163,65
	ĐTXD cầu Yên Trinh, huyện Chương Mỹ	C					1	39,72	18,88
	Xây dựng Cầu Ngọc Hồi	B					1	111,37	91,57
	Xây dựng Cầu Ái Mộ	B					1	122,83	72,26
	Xây dựng tuyến đường vành đai 2 đoạn Vĩnh Tuy - Chợ Mơ- Ngã tư Vọng (dự án chuẩn bị đầu tư dừng thực hiện)	C		1	31,015	31,015			
	Đầu tư xây dựng cầu Hạ Dục	C					1	13,90	12,80
	Cải tạo, nâng cấp đường 423 thuộc địa phận quận Hà Đông, huyện Từ Liêm, huyện Hoài Đức, huyện Quốc Oai	C		1	0,820	0,820			
	Dự án đầu tư xây dựng cầu vượt nút giao giữa đường Hoàng Quốc Việt và đường Nguyễn Văn Huyền (Vành đai 2,5)	B					1	560,28	376,29
	Cầu Hồng Phú	C					1	44,51	21,30
	Đầu tư xây dựng công trình cầu Kim Quan I, huyện Thạch Thất	C					1	16,45	10,19
	Cải tạo, mở rộng cầu Trung Tự kết hợp chỉnh trang tuyến đường Phạm Ngọc Thạch (đoạn từ cầu Trung Tự đến nút giao Lương Định Của)	C					1	37,04	0,45
	Cải tạo nút giao đường Chùa Bộc - Phạm Ngọc Thạch	C					1	49,77	34,55
	Xây dựng đường Cát Linh - La Thành	B					1	322,01	160,79
2	BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI		6	1	335,907	187,728	5	1.857,98	1.545,15
	Dự án nâng cấp bệnh viện đa khoa huyện Đông Anh	B					1	414,97	364,18
	Đầu tư nâng cấp bệnh viện Thanh Nhân giai đoạn II	B					1	665,66	613,19
	Dự án cải tạo nâng cấp sân vận động Hàng Đẫy	B					1	50,12	50,11
	Dự án Nâng cấp bệnh viện Tâm thần Mỹ Đức TP Hà Nội	C					1	39,56	25,84
	Xây dựng trụ sở viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội	B		1	335,907	187,728			
	Xây dựng trụ sở cơ quan Thành ủy Hà Nội	B					1	687,67	491,83
3	BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT VÀ NÔNG NGHIỆP THÀNH PHỐ HÀ NỘI		12	2	250,26	180,83	10	1.394,68	1.088,43
	Xây dựng trạm bơm tưới Thụy Phú II, huyện Phú Xuyên	B					1	144,74	128,25
	Cải tạo, nâng cấp kênh tiêu T1-2 và đoạn cuối kênh tiêu T1, huyện Đan Phượng	B					1	395,77	227,74
	Dự án cấp nước Gia Lâm	B					1	533,91	466,55
	Kiên cố hóa, kết hợp giao thông kênh chính trạm bơm La Khê	B		1	146,36	116,93			
	Kè bờ tả sông Đuống đoạn thượng và hạ lưu cầu Đuống huyện Gia Lâm và huyện Đông Anh	B		1	103,90	63,90			
	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm tiêu Cao Xuân Dương, huyện Thanh Oai	C					1	76,16	56,06
	Cải tạo, nâng cấp hệ thống kênh tiêu trạm bơm Phú Thọ, huyện Phúc Thọ	C					1	69,73	58,25

STT	Loại dự án	Nhóm DA	Tổng số	Dự án trong thời hạn lập báo cáo quyết toán			Dự án vi phạm thời hạn lập báo cáo quyết toán		
				Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng vốn đã thanh toán	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng vốn đã thanh toán
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(8)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Xây dựng đầu mối quan trắc môi trường tự động, liên tục tại Khu xử lý chất thải Xuân Sơn, thị xã Sơn Tây, Hà Nội	C					1	25,52	19,55
	Dự án hoàn chỉnh mạng lưới cấp nước quận Tây Hồ	B					1	6,47	6,47
	Xây dựng hệ thống cấp nước cho khu liên hiệp xử lý chất thải Nam Sơn và vùng ảnh hưởng môi trường của 03 xã Nam Sơn, Bắc Sơn, Hồng Kỳ	C					1	49,52	44,55
	Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nam Sơn giai đoạn I (83,3 ha)	C					1	49,17	44,00
	Nâng cấp, cải tạo trạm bơm tiêu Đại Áng, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội (giai đoạn 1)	C					1	43,70	37,00
4	UBND QUẬN LONG BIÊN		4				4	3.326,23	2.858,65
	Xây dựng tuyến đường nối từ đường Nguyễn Văn Cừ tới đê Tả ngạn sông Hồng	B					1	985,53	679,28
	Cải tạo, nâng cấp quốc lộ 1A đoạn Cầu Chui - cầu Đuống (phố Ngô Gia Tự)	B					1	1.582,91	1.514,57
	Xây dựng nhà tái định cư phụ vụ di dân GPMB của Thành phố tại phường Thượng Thanh	B					1	187,79	142,90
	Xây dựng tuyến đường 25m từ đê sông Đuống đến tuyến đường quy hoạch mặt cắt ngang 40m (tiếp giáp với trường Alexander Yersin) tại phường Ngọc Thụy)	B					1	569,99	521,90
5	UBND HUYỆN GIA LÂM		6	1	380,00	227,00	5	1.906,34	1.527,82
	Dự án tuyến đường Yên Viên - Đình Xuyên - Phù Đổng	B					1	360,32	274,23
	Dự án tuyến đường theo quy hoạch từ đường 179 đến đường gom cao tốc Hà Nội - Hải Phòng	B					1	90,63	66,44
	Xây dựng tuyến đường Đông Dư - Dương Xá	B					1	884,33	693,82
	Cải tạo, nâng cấp đường đốc Hội - Đại học Nông nghiệp I	B					1	372,91	366,06
	Xây dựng tuyến đường từ khu đô thị Trâu Quỳ qua đường Đông Dư - Dương Xá đến ga Phú Thị, huyện Gia Lâm	B					1	198,14	127,27
	Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch đường Yên Viên - Đình Xuyên - Phù Đổng đến hết địa bàn huyện Gia Lâm	B		1	380,00	227,00			
6	UBND HUYỆN THẠCH THẮT		3	1	75,55	72,09	2	159,09	127,13
	Cải tạo, nâng cấp ĐT 419 đoạn từ Km0+600 đến Km 4+842 (Phú Kim đi Chờ Chè)	B					1	110,23	87,24
	Nâng cấp, cải tạo đê tả tích lý trình từ K+00 đến K16+500 huyện Thạch Thất	C					1	48,86	39,89
	Trường THPT Minh Hà	B		1	75,55	72,09			
7	UBND HUYỆN PHÚC THỌ		3				3	184,25	138,26
	Xây dựng giai đoạn 2 thuộc dự án chợ trung tâm huyện	C					1	54,24	35,57
	Sân vận động huyện Phúc Thọ	C					1	23,72	22,33
	Xây dựng HTKT khu đầu giá QSD đất ở đồng Cầu Lọc, xã Ngọc Tảo	C					1	106,29	80,36
8	UBND HUYỆN QUỐC OAI		7	0	0,00	0,00	7	391,50	368,56
	Trường THPT Phan Huy Chú	B					1	115,35	115,35
	Trường THPT Quốc Oai	B					1	99,67	98,00
	XLCB sự cố sạt lở đê hữu Tích đê Khoang Ông, Đông Mạ, xã Hoà Thạch	C					1	21,30	18,04
	XLCB sự cố đê bồi Tuyền Nghĩa từ thôn Muôn đến Cầu Phú Cát tuyến đê Bồi Minh Khai đi thôn Muôn thuộc xã Tuyền Nghĩa, Cẩm Hữu	C					1	20,73	17,56
	XLCB sự cố sạt lở đê bao Liệp Mai và đê Hữu Tích	C					1	14,23	13,57
	Nâng cấp, cải tạo bờ hữu sông Tích, huyện Quốc Oai	C					1	42,69	36,35

STT	Loại dự án	Nhóm DA	Tổng số	Dự án trong thời hạn lập báo cáo quyết toán			Dự án vi phạm thời hạn lập báo cáo quyết toán		
				Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng vốn đã thanh toán	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng vốn đã thanh toán
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(8)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Nâng cấp các tuyến bờ bao sông tích phục vụ công tác phòng chống lũ và nâng cao hệ số sử dụng đất trên địa bàn huyện Quốc Oai	C					1	77,53	69,70
9	UBND HUYỆN HOÀI ĐỨC		3				3	294,46	180,67
	Xây dựng đường Lại Yên - An Khánh (đoạn Cầu Khum - Cầu Địa Sáo)	B					1	100,55	59,19
	Nâng cấp, chỉnh trang tuyến đường TL422 (đoạn thị trấn trạm Trôi đến cầu Sơn Đồng)	B					1	88,48	42,47
	Cải tạo nâng cấp đường tỉnh lộ 422 đoạn từ Sơn Đồng- Cát Quế huyện Hoài Đức	B					1	105,42	79,01
10	UBND QUẬN NAM TỪ LIÊM		2	1	115,64	102,52	1	86,57	53,40
	GPMB tạo quỹ đất sạch để đầu tư QSD đất ký hiệu DDM, phường Đại Mỗ, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	B		1	115,64	102,52			
	Xây dựng tuyến đường kết nối huyện Hoài Đức và quận Nam Từ Liêm từ trục trung tâm khu đô thị Văn Canh với đường Trần Hữu Dực và đường vành đai 3	B					1	86,57	53,40
11	UBND HUYỆN ỨNG HÒA		2	1	57,10	40,00	1	140,56	56,58
	Xây dựng HTKT phục vụ phát triển khu nuôi trồng thủy sản tập trung tại các xã Trung Tú, Đông Tân huyện Ứng Hòa	B					1	140,56	56,58
	Nâng cấp, cải tạo đê tả Đáy đoạn xã Đồng Tiến và thị trấn Văn Đình, huyện Ứng Hòa	B		1	57,10	40,00	1	140,56	56,58
12	SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN		5	3	74,47	72,95	2	16,25	16,25
	Cấp nước sạch liên xã Phương Trung, Kim thư, Đỗ Động, Kim An, huyện Thanh Oai (dự án dừng thực hiện)	B					1	7,80	7,80
	Cấp nước sạch liên xã Hiền Giang, Tiên Phong, Nguyễn Trãi, Tân Minh, Nghiêm Xuyên (dự án dừng thực hiện)	C					1	8,45	8,45
	Xử lý cấp bách chống sạt lở bờ hữu sông Hồng tương ứng từ K52+500 đến K52+800 thuộc địa bàn phường Liên Mạc, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.	C		1	30,38	29,09			
	Xử lý cấp bách chống sạt lở đê sông Bùi đoạn qua địa phận các xã Tốt Động, Quảng Bị, huyện Chương Mỹ	C		1	43,18	42,95			
	Thí điểm xây dựng hệ thống xử lý nước thải làng nghề xã Bích Hòa, huyện Thanh Oai (dự án dừng thực hiện)	C		1	0,91	0,91			
13	UBND HUYỆN ĐÔNG ANH		3	-	0,00	0,00	3	217,87	131,10
	Xây dựng HTKT khu tái định cư phục vụ GPMB cụm công nghiệp vừa và nhỏ Nguyễn Khê	B					1	67,83	49,21
	Đường nối từ đường Cao Lỗ đến nhà tang lễ huyện Đông Anh	B					1	91,40	51,17
	Xây dựng HTKT khu tái định cư tại xã Dịch Tú, huyện Đông Anh phục vụ GPMB dự án xây dựng Quốc Lộ 3 mới Hà Nội - Thái Nguyên	C					1	58,64	30,72
14	UBND QUẬN THANH XUÂN		1				1	92,42	17,19
	Xây dựng nhà ở phục vụ di dân giải phóng mặt bằng tại phường Kim Giang	B					1	92,42	17,19
15	UBND HUYỆN BA VÌ		1				1	151,71	131,50
	Đường tránh quốc lộ 32 (đoạn qua thị trấn Tây Đằng)	B					1	151,71	131,50
16	UBND HUYỆN MỸ ĐỨC		2				2	31,46	27,33

STT	Loại dự án	Nhóm DA	Tổng số	Dự án trong thời hạn lập báo cáo quyết toán			Dự án vi phạm thời hạn lập báo cáo quyết toán		
				Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng vốn đã thanh toán	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng vốn đã thanh toán
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(8)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Kè chống sạt lở đê hữu Đáy đoạn cầu phao Áng Hạ, xã Lê Thanh, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội	C					1	7,23	6,74
	XLCB Sạt lở sông Đáy thôn Tiên Mai, xã Hương Sơn	C					1	24,23	20,59
17	UBND HUYỆN CHƯƠNG MỸ		2				2	197,68	130,15
	Xây mới trường PTH Nguyễn Văn Trỗi	B					1	183,87	117,90
	Xây dựng trường mầm non trong khu công nghiệp Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội	C					1	13,81	12,25
18	UBND QUẬN BẮC TỪ LIÊM		4				4	405,34	360,47
	Xây dựng trạm y tế phường Xuân Tảo	C					1	13,04	1,10
	Xây dựng trạm y tế phường Đức Thắng	C					1	12,20	9,60
	Xây dựng trạm y tế phường Cổ Nhuế 1	C					1	10,10	8,77
	Xây dựng trụ sở quận ủy, HĐND, UBND quận Bắc Từ Liêm	B					1	370,00	341,00
19	UBND HUYỆN MÊ LINH		3	3	283,54	265,46	0	0,00	0,00
	Dự án Xây dựng tuyến đường từ Trung tâm hành chính đi TTVHTT huyện Mê Linh (giai đoạn I)	B		1	149,99	143,99			
	Cải tạo, nâng cấp trường THPT Tiến Thịnh, huyện Mê Linh	C		1	44,49	35,01			
	Cải tạo, nâng cấp trường THPT Mê Linh, huyện Mê Linh	B		1	89,05	86,46			
20	UBND HUYỆN PHÚ XUYÊN		4	1	38,32	34,32	3	126,24	108,94
	XLCB đê hữu sông Lương và đê Tả sông Duy Tiên, thuộc địa bàn xã Đại Xuyên, huyện Phú Xuyên	C					1	23,55	21,64
	Duy tu, sửa chữa, chống xuống cấp và đảm bảo ATGT tuyến đường từ tỉnh lộ 429 đi qua UBND xã Văn Nhân, huyện Phú Xuyên	B					1	70,50	57,30
	XD hệ thống chiếu sáng đường tỉnh 428,429 và trên đê sông Hồng thuộc địa bàn huyện Phú Xuyên	C					1	32,19	30,00
	Cải tạo đường Đại Thắng, Văn Hoàng, huyện Phú Xuyên	C		1	38,32	34,32			
21	UBND HUYỆN THANH TRÌ		1	1	114,40	98,83			
	XLCB đê hữu sông Lương và đê Tả sông Duy Tiên, thuộc địa bàn xã Đại Xuyên, huyện Phú Xuyên	B		1	114,40	98,83			

Phụ lục 2.1

TỔNG HỢP DỰ ÁN HOÀN THÀNH SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ CÔNG CẤP HUYỆN ĐÃ PHÊ DUYỆT QUYẾT TOÁN

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	Loại dự án	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị phê duyệt quyết toán	Chênh lệch
A	Tổng cộng	1.894	15.887,44	14.150,5	14.032,09	118,40
1	UBND quận Ba Đình	19	622,00	587,00	585,00	2,00
2	UBND quận Cầu Giấy	10	155,58	149,93	148,99	0,94
3	UBND quận Đống Đa	12	257,82	227,55	227,07	0,48
4	UBND quận Hai Bà Trưng	27	261,73	245,88	245,54	0,34
5	UBND quận Hà Đông	66	485,25	473,91	463,41	10,50
6	UBND quận Hoàn Kiếm	31	643,63	549,23	547,33	1,89
7	UBND quận Hoàng Mai	17	519,49	488,96	488,70	0,25
8	UBND quận Long Biên	34	564,67	464,44	457,79	6,65
9	UBND quận Tây Hồ	22	605,36	571,27	569,02	2,26
10	UBND quận Thanh Xuân	33	289,45	254,19	252,33	1,87
11	UBND quận Bắc Từ Liêm	40	349,66	302,16	300,05	2,11
12	UBND quận Nam Từ Liêm	39	913,04	797,30	787,61	9,69
13	UBND huyện Ba Vì	38	178,06	169,99	169,66	0,33
14	UBND huyện Chương Mỹ	23	103,59	93,31	92,31	1,00
15	UBND huyện Đan Phượng	108	608,04	571,57	563,60	7,97
16	UBND huyện Đông Anh	208	2.611,16	2.064,59	2.059,98	4,61
17	UBND huyện Gia Lâm	85	899,41	828,44	808,59	19,86
18	UBND huyện Hoài Đức	177	1.439,41	1.313,90	1.303,38	10,52
19	UBND huyện Mê Linh	87	484,31	453,21	449,35	3,86
31	UBND huyện Mỹ Đức	31	227,76	140,30	139,87	0,42
21	UBND huyện Phú Xuyên	126	451,79	428,57	423,87	4,70
22	UBND huyện Phúc Thọ	36	165,26	150,43	150,20	0,23
23	UBND huyện Quốc Oai	87	522,12	483,19	475,16	8,02
24	UBND huyện Sóc Sơn	47	519,31	502,13	499,50	2,63
25	UBND huyện Thạch Thất	47	237,86	222,97	222,43	0,53
26	UBND huyện Thanh Oai	210	420,79	395,80	388,60	7,21
27	UBND huyện Thanh Trì	96	379,38	344,07	341,25	2,82
28	UBND huyện Thường Tín	5	15,66	14,14	14,04	0,10
29	UBND huyện Ứng Hòa	50	242,86	233,08	230,48	2,60
30	UBND Thị xã Sơn Tây	83	713,00	629,00	627,00	2,00

Phụ lục 2.2

TỔNG HỢP DỰ ÁN HOÀN THÀNH SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ CÔNG CẤP HUYỆN CHƯA PHÊ DUYỆT QUYẾT TOÁN

a) Dự án đã nộp hồ sơ quyết toán về phòng Tài chính - Kế hoạch:

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	Loại dự án sử dụng ngân sách cấp huyện	Tổng số dự án	Dự án trong thời hạn thẩm tra, phê duyệt quyết toán			Dự án vi phạm thời gian quyết toán		
			Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng đề nghị quyết toán	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng đề nghị quyết toán
A	Tổng cộng	449	405	4.942,873	4.034,831	44	781,2	697,7
1	UBND quận Ba Đình	-	-	0,000	0,000	0	-	-
3	UBND quận Cầu Giấy	3	2	29,229	29,046	1	3,47	2,95
3	UBND quận Đống Đa	12	12	136,656	98,899	0	-	-
4	UBND quận Hai Bà Trưng	-	-	0,000	0,000	0	-	-
5	UBND quận Hà Đông	10	6	430,010	40,250	4	16,24	15,61
6	UBND quận Hoàn Kiếm	1	1	251,599	245,554	0	-	-
7	UBND quận Hoàng Mai	6	6	81,726	67,267	0	-	-
8	UBND quận Long Biên	12	12	375,888	324,082	0	-	-
9	UBND quận Tây Hồ	2	2	87,031	83,913	0	-	-
10	UBND quận Thanh Xuân	4	4	9,732	9,045	0	-	-
11	UBND quận Bắc Từ Liêm	2	2	2,121	1,997	0	-	-
12	UBND quận Nam Từ Liêm	8	8	150,792	139,476	0	-	-
13	UBND huyện Ba Vì	7	5	153,250	148,030	2	0,97	0,97
14	UBND huyện Chương Mỹ	2	2	3,137	3,088	0	-	-
15	UBND huyện Đan Phượng	19	19	304,884	286,336	0	-	-
16	UBND huyện Đông Anh	104	85	1.040,010	867,460	19	557,33	487,22
17	UBND huyện Gia Lâm	16	16	158,289	139,257			
18	UBND huyện Hoài Đức	119	119	827,874	728,672	0	-	-
19	UBND huyện Mê Linh	11	11	93,400	89,047	0	-	-
20	UBND huyện Mỹ Đức	4	4	3,840	3,651	0	-	-
21	UBND huyện Phú Xuyên	-	-	0,000	0,000	0	-	-
22	UBND huyện Phúc Thọ	23	20	105,712	96,083	3	18,91	17,37
23	UBND huyện Quốc Oai	11	9	175,537	153,777	2	6,79	5,67
24	UBND huyện Sóc Sơn	10	10	155,753	148,386	0	-	-
25	UBND huyện Thạch Thất	16	3	20,613	19,700	13	177,53	167,91
26	UBND huyện Thanh Oai	-	-	0,000	0,000	0	-	-
27	UBND huyện Thanh Trì	11	11	19,867	15,592	0	-	-
28	UBND huyện Thường Tín	16	16	57,627	54,374	0	-	-
29	UBND huyện Ứng Hòa	6	6	57,296	51,849	0	-	-
30	UBND thị xã Sơn Tây	14	14	211,000	190,000	0	-	-

b) Dự án chưa nộp hồ sơ quyết toán về Phòng Tài chính - Kế hoạch:

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	Loại dự án sử dụng ngân sách cấp huyện	Tổng số dự án	Dự án trong thời hạn lập báo cáo quyết toán			Dự án vi phạm thời gian quyết toán		
			Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng vốn đã thanh toán	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng vốn đã thanh toán
A	Tổng cộng	684	595	8.349,141	6.578,474	89	1.747,968	1.563,765
1	UBND quận Ba Đình	-	-	-	-	-	-	-
2	UBND quận Cầu Giấy	2,00	-	-	-	2	50,71	38,50
3	UBND quận Đống Đa	12,00	12	266,66	194,97	-	-	-
4	UBND quận Hai Bà Trưng	18,00	18	279,11	207,32	-	-	-
5	UBND quận Hà Đông	5,00	-	-	-	5	122,98	109,32
6	UBND quận Hoàn Kiếm	4,00	4	154,53	98,24	-	-	-
7	UBND quận Hoàng Mai	9,00	6	480,56	443,88	3	67,14	56,85
8	UBND quận Long Biên	4,00	4	95,88	78,59	-	-	-
9	UBND quận Tây Hồ	-	-	-	-	-	-	-
10	UBND quận Thanh Xuân	-	-	-	-	-	-	-
11	UBND quận Bắc Từ Liêm	8,00	8	50,43	42,11	-	-	-
12	UBND quận Nam Từ Liêm	12,00	9	156,30	128,42	3	123,11	108,68
13	UBND huyện Ba Vì	12,00	5	57,90	50,62	7	17,12	9,09
14	UBND huyện Chương Mỹ	27,00	-	-	-	27	159,26	135,41
15	UBND huyện Đan Phượng	47,00	47	170,20	133,96	-	-	-
16	UBND huyện Đông Anh	95,00	77	1.219,23	842,46	18	727,08	685,69
17	UBND huyện Gia Lâm	58,00	58	1.661,65	1.220,73	-	-	-
18	UBND huyện Hoài Đức	165,00	165	1.269,00	1.269,00	-	-	-
19	UBND huyện Mê Linh	9,00	9	44,66	34,58	-	-	-
20	UBND huyện Mỹ Đức	10,00	10	33,23	32,02	-	-	-
21	UBND huyện Phú Xuyên	24,00	10	148,90	120,07	14	318,68	277,36
22	UBND huyện Phúc Thọ	28,00	22	236,87	200,94	6	123,85	110,15
23	UBND huyện Quốc Oai	19,00	19	529,80	454,21	-	-	-
24	UBND huyện Sóc Sơn	4,00	4	42,76	36,18	-	-	-
25	UBND huyện Thạch Thất	27,00	23	392,61	382,13	4	38,04	32,72
26	UBND huyện Thanh Oai	-	-	-	-	-	-	-
27	UBND huyện Thanh Trì	5,00	5	220,85	166,18	-	-	-
28	UBND huyện Thường Tín	7,00	7	25,19	22,08	-	-	-
29	UBND huyện Ứng Hòa	31,00	31	492,81	419,82	-	-	-
30	UBND thị xã Sơn Tây	42,00	42	320,00	-	-	-	-

Số: /UBND-KT

Hà Nội, ngày tháng 01 năm 2023

V/v báo cáo tình hình quyết toán dự
án hoàn thành sử dụng vốn đầu
tư công năm 2022

Kính gửi: Bộ Tài chính

Căn cứ quy định tại Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công và Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán. UBND thành phố Hà Nội báo cáo tình hình quyết toán dự án hoàn thành sử dụng vốn đầu tư công năm 2022 như sau:

1. Tình hình quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành trong năm báo cáo (chi tiết biểu đính kèm).

2. Tồn tại, vướng mắc về công tác quyết toán dự án hoàn thành:

Trong năm 2022, UBND thành phố Hà Nội đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, đôn đốc các chủ đầu tư tăng cường, đẩy mạnh công tác quyết toán, đặc biệt quan tâm chỉ đạo xử lý dứt điểm số lượng các dự án hoàn thành còn tồn đọng chưa quyết toán; chỉ đạo tổ chức kiểm tra, hướng dẫn, nắm bắt các khó khăn, kiến nghị của chủ đầu tư để kịp thời tháo gỡ các vướng mắc trong công tác quyết toán, UBND Thành phố đã chỉ đạo Sở Tài chính tổ chức Hội nghị tập huấn Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ, Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ Tài chính về thanh, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công cho UBND các quận, huyện, thị xã và các chủ đầu tư sử dụng vốn đầu tư công trên địa bàn Thành phố.

Công tác lập, thẩm tra, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành trên toàn Thành phố cơ bản đảm bảo quy định, hầu hết các dự án đã tuân thủ đúng quy định về việc quyết toán dự án hoàn thành. Tuy nhiên, vẫn còn một số dự án vẫn còn chậm lập, nộp hồ sơ quyết toán dự án hoàn thành do một số nguyên nhân chủ yếu như sau:

2.1. Về phía Chủ đầu tư:

- Trong quá trình triển khai dự án không kịp thời cập nhật, điều chỉnh dự án, thiết kế dự toán và hoàn thiện các nội dung phát sinh trình cấp có thẩm quyền theo quy định.

- Quá trình triển khai dự án một số chủ đầu tư, dự án không thực hiện đúng quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng như: tuân thủ trình tự thực hiện, quản lý chi phí, đơn giá, định mức, nhất là các định mức đặc thù, định mức mới.

- Một số chủ đầu tư chưa thực sự quan tâm, quyết liệt trong tổ chức, chỉ đạo trong công tác quyết toán; chưa nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu, chưa thực hiện hết quyền và nghĩa vụ của chủ đầu tư theo quy định và các điều khoản đã cam kết theo hợp đồng với các nhà thầu.

2.2. Về phía các nhà thầu:

- Một số nhà thầu chưa quan tâm và chưa phối hợp với chủ đầu tư trong việc lập quyết toán A-B, không thực hiện lập và cung cấp hồ sơ theo quy định để thực hiện quyết toán dự án hoàn thành.
- Một số nhà thầu thay đổi bộ máy hoặc phá sản, không còn năng lực hoặc chuyển đổi mô hình sản xuất kinh doanh, không có cơ quan đầu mối để lập hồ sơ quyết toán.
- Một số đơn vị nhà thầu đã giải thể hoặc không phối hợp để giải quyết hồ sơ quyết toán, dẫn đến chây ỳ, kéo dài việc quyết toán, chủ đầu tư khó khăn trong việc lập hồ sơ quyết toán A-B.

2.3. Nguyên nhân khác:

- Dự án chuyển giao qua một số chủ đầu tư, công tác bàn giao, theo dõi, quản lý hồ sơ dự án không tốt dẫn đến thất lạc hồ sơ; dự án kéo dài, một số cán bộ trực tiếp tham gia dự án đã chuyển công tác, nghỉ việc... nên công tác lập hồ sơ quyết toán khó khăn, chậm.
- Một số chủ đầu tư, nhà thầu còn kiến nghị sau thanh tra, kiểm toán dẫn đến chủ đầu tư còn chậm lập hồ sơ quyết toán gửi cơ quan thẩm tra phê duyệt.

3. Đề xuất và kiến nghị về công tác quyết toán dự án hoàn thành:

Để nâng cao chất lượng công tác quyết toán dự án hoàn thành trên địa bàn Thành phố, UBND thành phố Hà Nội kiến nghị Bộ Tài chính:

- Tăng cường kiểm tra, hướng dẫn, tập huấn công tác quyết toán dự án hoàn thành ở địa phương.
- Nghiên cứu, ban hành các giải pháp, chế tài xử lý vi phạm trong công tác quyết toán dự án hoàn thành quyết liệt hơn, đảm bảo tính răn đe.
- Nghiên cứu cơ chế kiểm soát chặt chẽ trong khâu thanh toán vốn để hạn chế việc giải ngân thanh toán vượt giá trị quyết toán được duyệt.
- Hướng dẫn quyết toán dự án trong một số trường hợp: không đủ hồ sơ quyết toán theo quy định (do mất, thất lạc hồ sơ); nhà thầu giải thể, không hợp tác khi quyết toán A-B.

Trên đây là báo cáo tình hình quyết toán dự án hoàn thành sử dụng nguồn vốn đầu tư công năm 2022 của UBND thành phố Hà Nội. Kính đề nghị Bộ Tài chính nghiên cứu, tổng hợp theo quy định.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch UBND Thành phố (để b/c);
- Các PCT UBND Thành phố;
- VPUB: CVP, PCVP_{Đ.Q.}, Hùng, KTTH;
- Lưu: VT, KTTH_{Thái}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hà Minh Hải

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

TỔNG HỢP BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG DỰ ÁN HOÀN THÀNH NĂM 2022
(Kèm theo Văn bản số ngày tháng 01 năm 2023 của UBND Thành phố Hà Nội)

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Nội dung	Trong thời gian quý định				Trong thời gian quý định				Vốn đầu tư công còn lại phải bố trí đến thời điểm quyết toán được duyệt hoặc giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu								
		Tổng số dự án	Số dự án	Tổng mức đầu tư được duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối của dự án	Giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu	Giá trị quyết toán được duyệt (nếu có)	Vốn đã giải ngân	Giá trị quyết toán được duyệt (nếu có)	Giá trị chủ đầu tư được quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu	Tổng số	Trong đó: ngân sách trung ương							
1	2	3=4+12	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
A	Tổng số dự án hoàn thành (I+II+III)	3.244	2.938	46.974,0		38.099	19.350,8	35.176,3	2.739,6		306	28.191		22.983	1.098,2	22.849,4	109	
I	Dự án đã được phê duyệt quyết toán (1+2)	1.984	1.885	22.861,1		19.534	19.350,8	17.949,4	1.401,5		99	1.379,9		1.090,0	1.098,2	1.063,4	34,8	
1	Dự án hoàn thành các năm trước	1.258	1.164	16.934,5		14.565,2	14.422,9	13.832,5	590,4		94	1.361,5		1.072,7	1.080,9	1.047,8	33,1	0
2	Dự án hoàn thành trong năm báo cáo	726	721	5.926,7		4.968,7	4.927,9	4.116,9	811,1		5	18,4		17,3	17,3	15,6	1,7	0
II	Dự án đã nộp hồ sơ quyết toán, chưa được phê duyệt quyết toán (1+2)	485	441	13.467,4		10.583,9		9.335,0	1.248,9		44	781,2		697,8		661,4	3,7	
	Phê duyệt (1.1+2.1)	0	0	0,0		0,0		0,0	0,0		0	0		0,0		0,0	0,0	
	Thẩm tra (1.2+2.2)	485	441	13.467,4		10.584		9.335	1.249		44	781		697,8	0	661	4	0
1	Dự án hoàn thành các năm trước	328	288	11.551,5		8.889		7.787	1.103		40	757,8		675,8		642,6	2,7	
1.1	Phê duyệt																	
1.2	Thẩm tra	352	312	11.551		8.889		7.787	1.103		40	758		676	0	643	3	0
2	Dự án hoàn thành trong năm báo cáo	157	153	1.916		1.695		1.548	146		4	23		22	0	19	1	0
2.1	Phê duyệt																	
2.2	Thẩm tra	157	153	1.916		1.695		1.548	146		4	23		22	0	19	1	0
III	Dự án đã hoàn thành, chưa nộp hồ sơ quyết toán (1+2)	775	612	10.645,4		7.984,1		7.891,9	89,2		163	26.029,9		21.195,1		21.124,6	70,6	0
1	Dự án hoàn thành các năm trước	530	391	6.238		4.610		4.555	55		139	24.736		20.166		20.119	47	0
2	Dự án hoàn thành trong năm báo cáo	245	221	4.407		3.371		3.337	35		24	1.294		1.030		1.006	24	0

STT	Nội dung	Trong thời gian quy định						Vi phạm thời gian quy định						
		Tổng số dự án	Số dự án	Tổng mức đầu tư được duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối của dự án	Giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu	Giá trị quyết toán được duyệt (nếu có)	Vốn đã giải ngân	còn lại phải báo cáo so với thời điểm báo cáo so với giá trị quyết toán được duyệt hoặc giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu	Số Dự án	Tổng mức đầu tư được duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối của Dự án	Giá trị chủ đầu tư đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu	Giá trị quyết toán được duyệt (nếu có)	Vốn đã giải ngân	Vốn đầu tư công còn lại phải báo cáo so với giá trị quyết toán được duyệt hoặc giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu
B	Dự án hoàn theo phân cấp quản lý (1 +2+3)	3.244	2.938	46.974	38.099	19.350,8	35.176,3	2.739,6	306	28.191	22.983	1.098,2	22.849,4	109
1	Dự án do cấp thành phố quản lý	217	143	19.174,4	14.390,4	6.416,9	13.571,1	762,8	74	24.281,9	19.610,6		19.560,9	49,8
a	Phê duyệt	90	90	8.353,3	6.473,4	6.416,9	6.283,6	133,3	0	0	0		0	0
b	Thẩm tra	36	36	8.524,7	6.549,1		5.974,1	575,0						
c	Chưa nộp hồ sơ quyết toán	91	17	2.296,3	1.367,9		1.313,4	54,5	74	24.281,9	19.610,6		19.560,9	49,8
2	Dự án do cấp huyện quản lý	2.603	2.424	25.942,8	22.057,3	11.686,6	20.154,4	1.917,9	179	3.747,5	3.259,8	1.083,1	3.248,7	58,9
a	Phê duyệt	1.582	1.517	13.184,0	11.806,0	11.686,6	10.526,0	1.209,2	65	1.261,1	1.000,5	1.083,1	1.048,3	34,8
b	Thẩm tra	385	344	4.606,2	3.722,2	0,0	3.153,8	673,9	41	778,3	694,9	0,0	659,3	3,4
c	Chưa nộp hồ sơ quyết toán	636	563	8.152,7	6.529,2	0,0	6.474,6	34,7	73	1.708,1	1.564,4	0,0	1.541,1	20,7
3	Dự án do cấp xã quản lý	424	371	1.856,8	1.651,2	1.247,3	1.450,8	58,9	53	161,5	112,5	15,1	39,9	0,3
a	Phê duyệt	312	278	1.323,6	1.254,5	1.247,3	1.139,8	58,9	34	118,7	89,5	15,1	15,1	0,0
b	Thẩm tra	64	61	336,7	312,7	0,0	207,1	0,0	3	2,9	2,9	0,0	2,1	0,3
c	Chưa nộp hồ sơ quyết toán	48	32	196,5	84,0	0,0	103,9	0,0	16	39,9	20,1	0,0	22,7	0,0